CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sơn Hà Sài Gòn

Ngày 30/06/2025	4,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-2.4%**	**-2.9%**

DT thuần
Q2/25
286
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.00| 3.0%
YoY: ▲ 23.0| 8.9%

LN thuần
Q2/25
5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.11| -1.8%
YoY: ▲ 1.03| 21.6%

LN sau thuế
Q2/25
5.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.58| 40.8%
YoY: ▲ 1.32| 32.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q2/25
3.7%
YoY: +/-▲ 0.3%

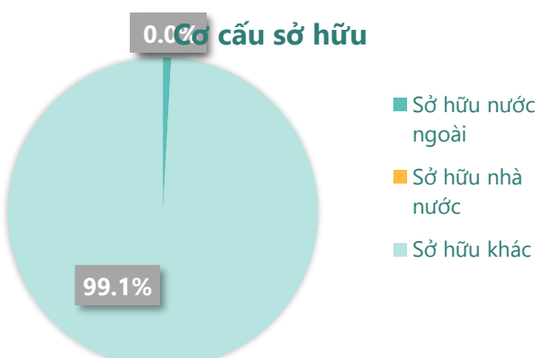
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,860 - 4,570
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	135
Số lượng CPLH (CP)	33,446,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,025
Sở hữu nước ngoài	0.9%
Beta	0.43
EPS	471
P/E	8.6

DT thuần
6T 2025
565
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 5.3%

LN thuần
6T 2025
11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.09| 35.0%

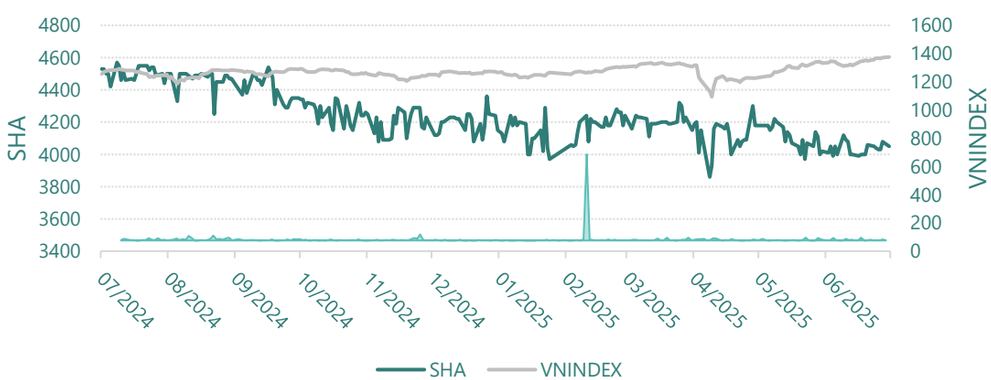
LN sau thuế
6T 2025
9.34
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.81| 24.1%

Cơ cấu sở hữu

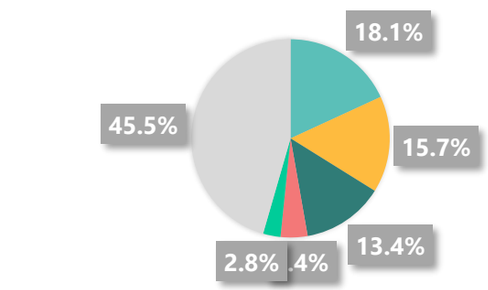


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

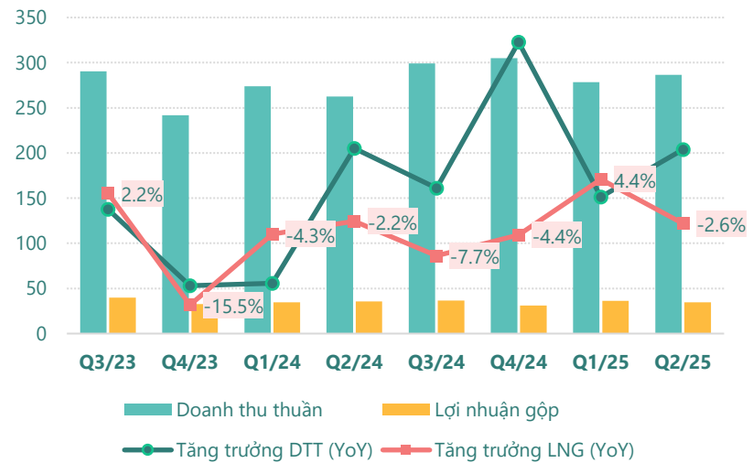


- Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Tổng hợp Lê Gia
- Lê Hoàng Hà (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Thị Phương Linh (Thành viên HĐQT)
- CTCP Đầu tư Công nghệ Sơn Hà Xanh

(Nguồn: fireant.vn)

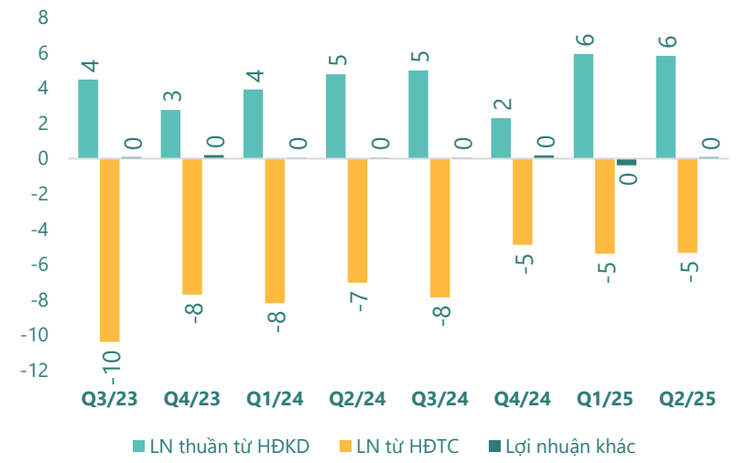
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



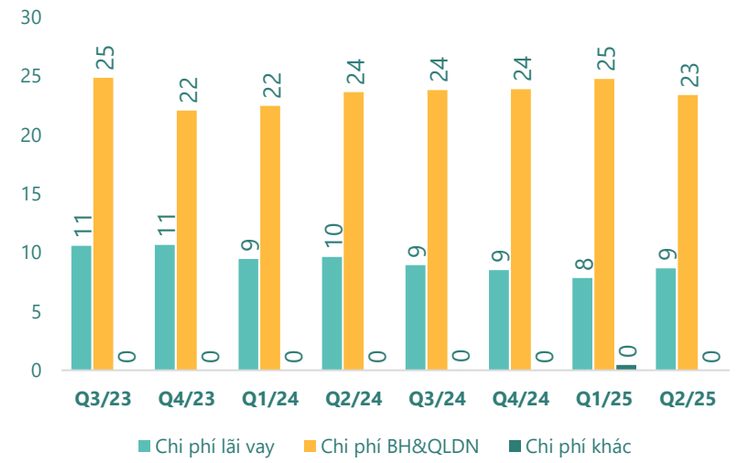
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



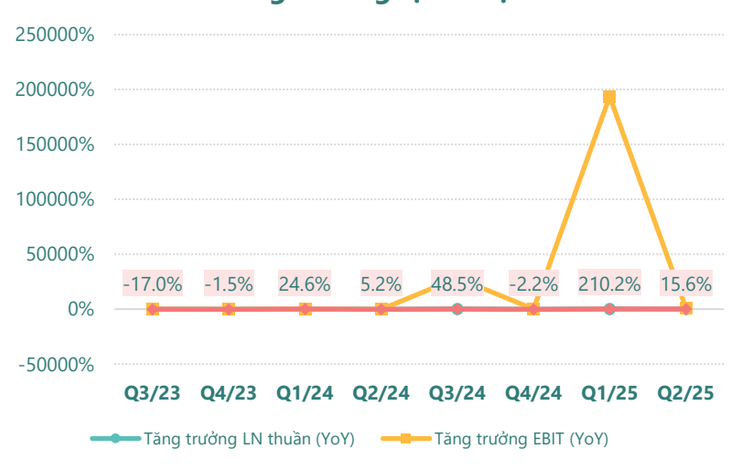
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



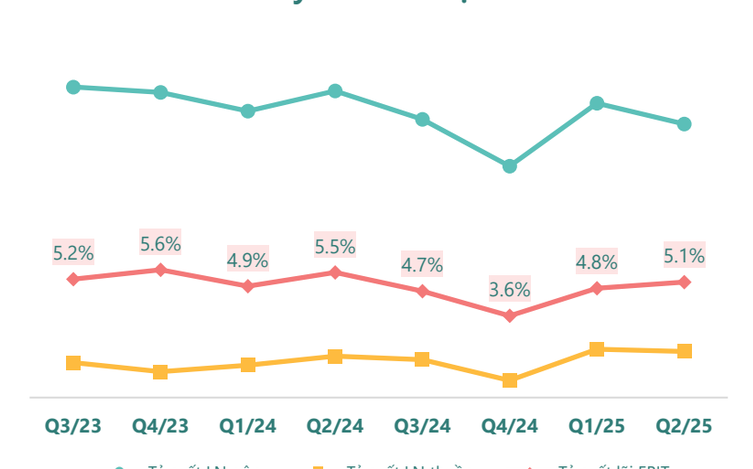
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



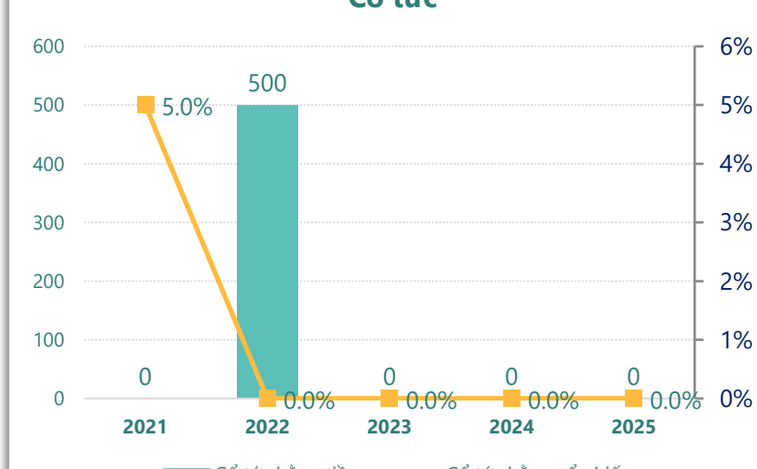
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

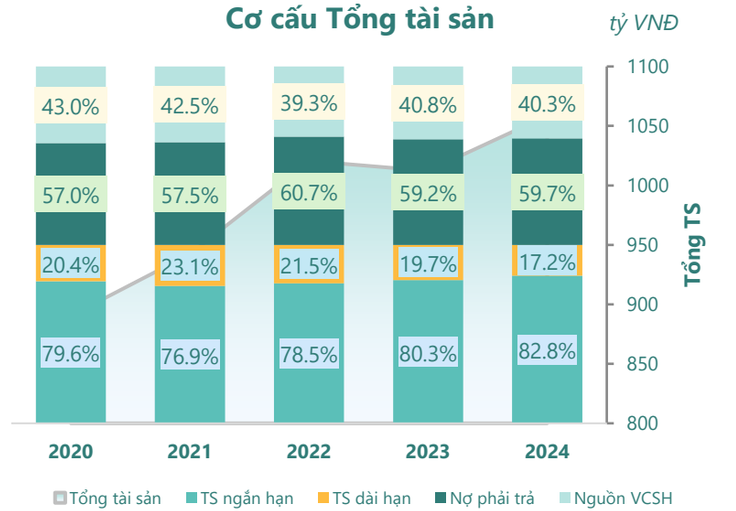
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

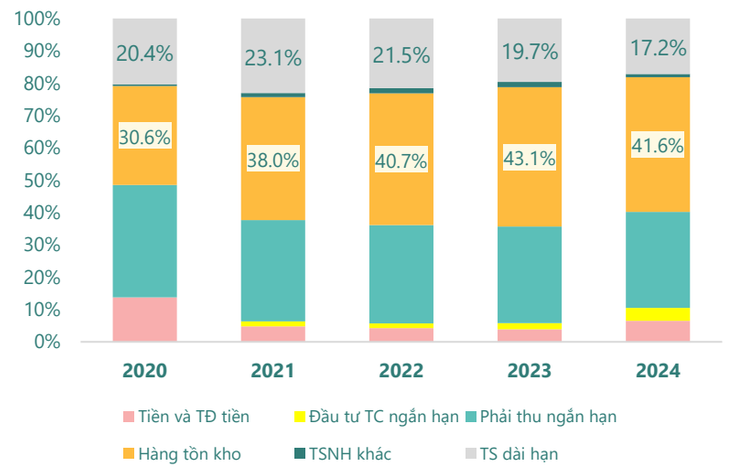
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



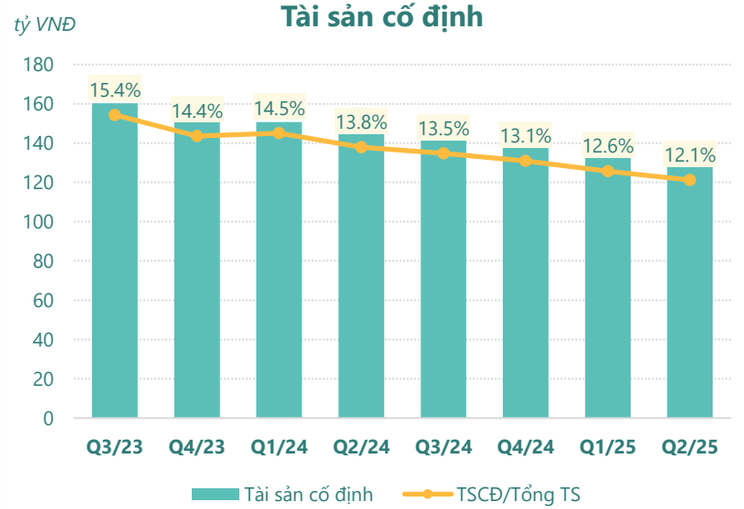
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



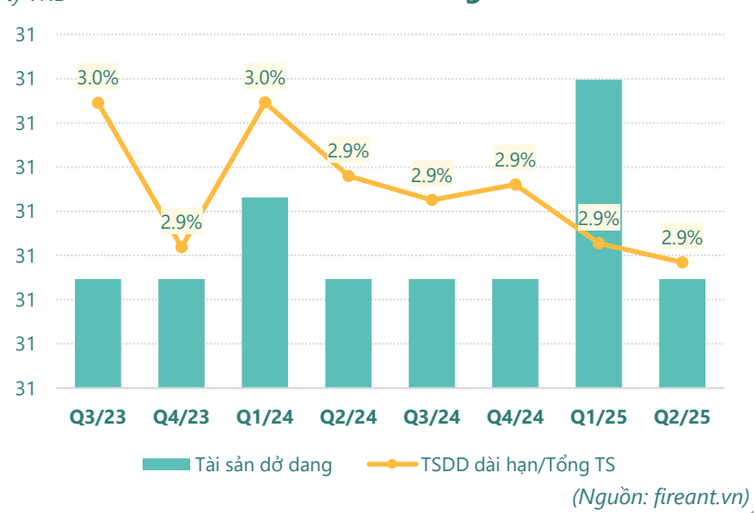
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



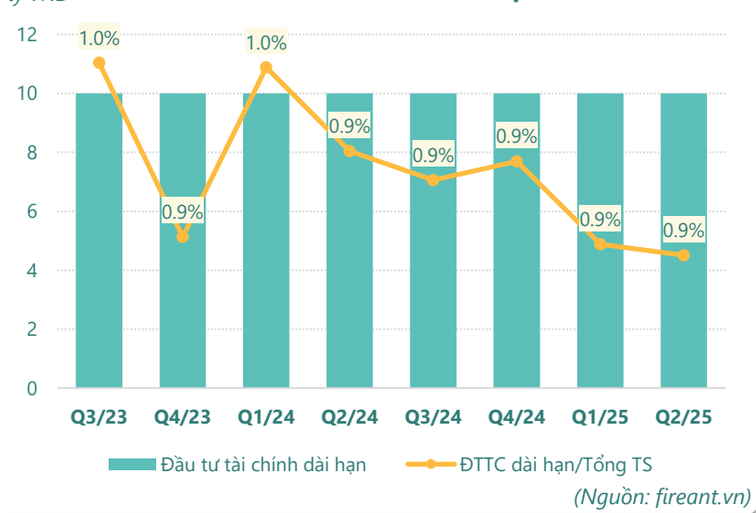
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



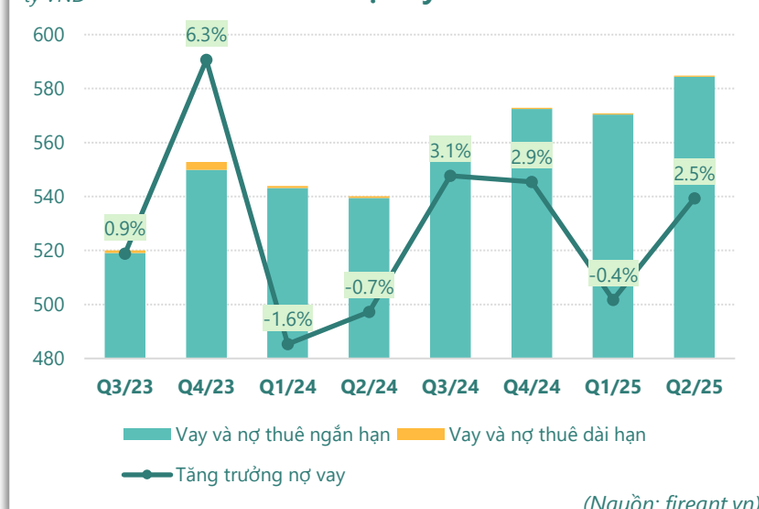
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

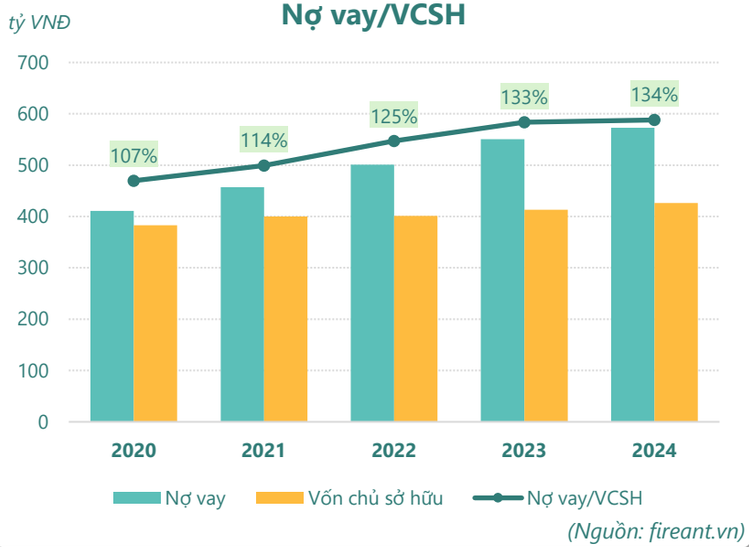
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

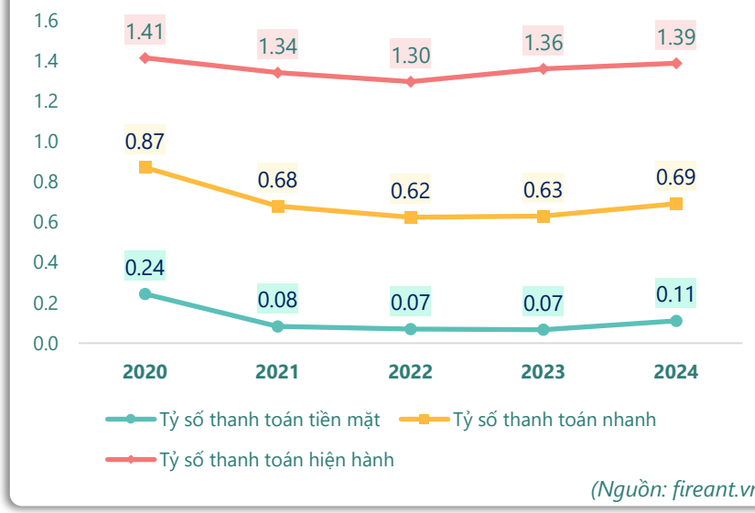
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



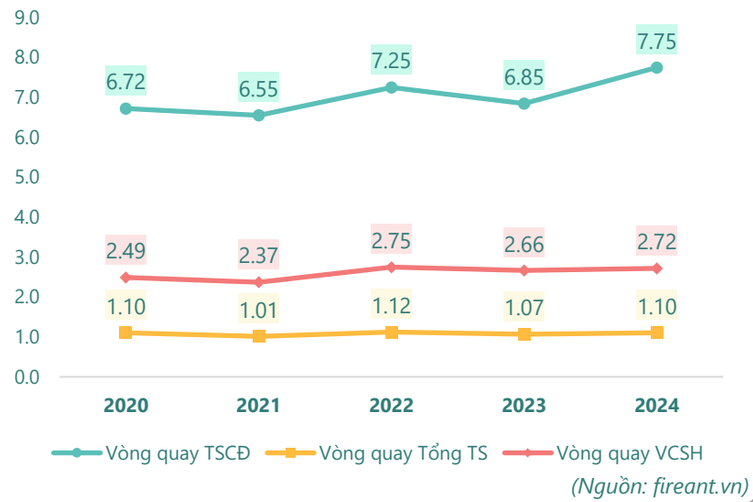
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



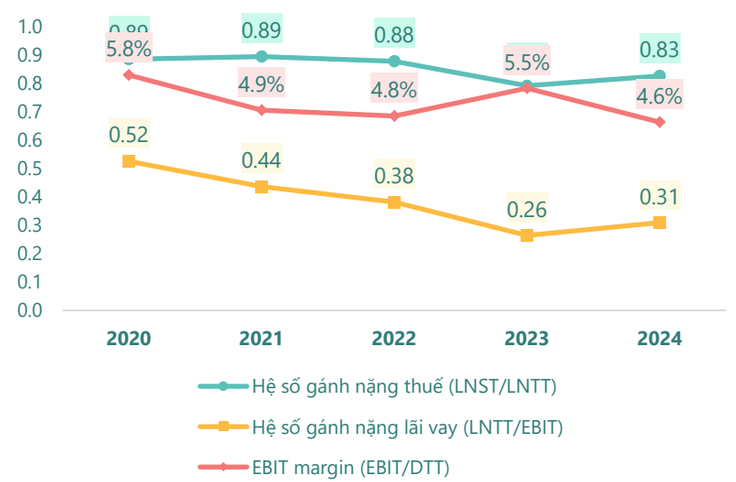
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



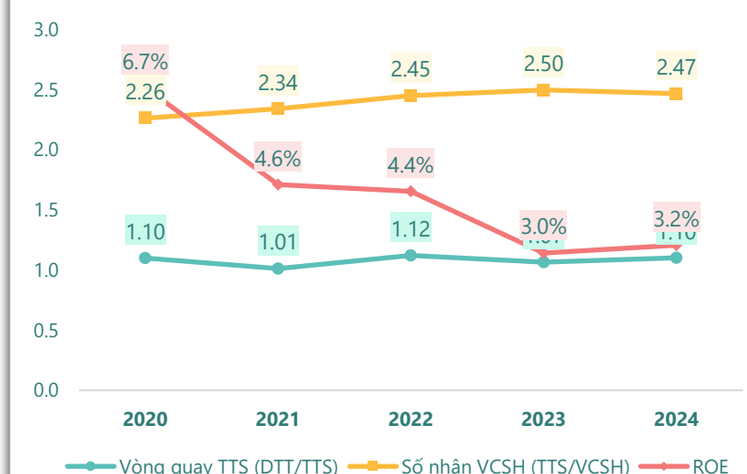
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



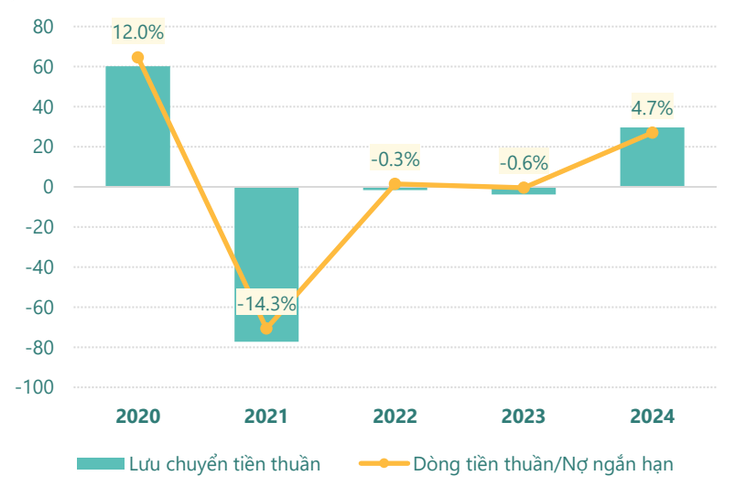
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**286**	**263**	**8.9%**	**565**	**536**	**5.3%**
Giá vốn hàng bán	252	227	11.0%	494	466	6.0%
Lợi nhuận gộp	34.6	35.5	-2.6%	70.7	70.1	0.9%
Doanh thu HĐTC	3.34	2.59	28.9%	5.80	3.89	49.0%
Chi phí TC	8.68	9.63	-9.9%	16.5	19.1	-13.5%
Chi phí lãi vay	8.68	9.64	-10.0%	16.5	19.1	-13.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	18.0	17.8	1.3%	36.8	34.3	7.3%
Chi phí QLDN	**5.36**	**5.91**	**-9.2%**	**11.4**	**11.8**	**-3.9%**
LN thuần từ HĐKD	5.82	4.79	21.6%	11.8	8.71	35.0%
Lợi nhuận khác	**0.09**	**0.05**	**82.2%**	**-0.29**	**0.10**	**-380%**
LN trước thuế	5.92	4.84	22.2%	11.5	8.81	30.2%
Lợi nhuận sau thuế	**5.46**	**4.14**	**32.0%**	**9.34**	**7.53**	**24.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.46**	**4.14**	**32.0%**	**9.34**	**7.53**	**24.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.63	-5.00	11.5	5.53	-11.6	-4.32
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.58	13.8	2.98	-6.28	-1.72	-3.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.80	-3.92	16.6	14.0	-2.13	14.0
Tiền đầu kỳ	39.8	36.2	41.1	72.1	69.4	53.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-3.59**	**4.90**	**31.1**	**13.3**	**-15.5**	**6.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.2	41.1	72.1	85.4	53.9	59.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,087**	**1,059**	**2.7%**
Tài sản ngắn hạn	892	877	1.8%
Tiền và tương đương tiền	59.9	69.4	-13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.2	42.2	-37.9%
Phải thu ngắn hạn	345	314	9.9%
Hàng tồn kho	452	440	2.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.39	10.3	-18.4%
Tài sản dài hạn	**195**	**182**	**7.1%**
Phải thu dài hạn	20.2	0.25	7973%
Tài sản cố định	132	139	-5.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.0	31.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.92**	**1.68**	**14.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	651	632	3.0%
Nợ ngắn hạn	**651**	**632**	**3.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	584	572	2.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.0	37.1	34.6%
Nợ dài hạn	0.63	0.74	-15.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.40	0.51	-21.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**436**	**426**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**436**	**426**	**2.2%**
Vốn điều lệ	334	334	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)